

Số: /KH-UBND

Cần Thơ, ngày tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH
Tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm
giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Thực hiện Quyết định số 2227/QĐ-BKHCN ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm giai đoạn 2026 - 2030, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ, với các nội dung như sau:

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

3. Quyết định số 604/QĐ-TTg ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

4. Kế hoạch số 22-KH/TU ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Thành ủy Cần Thơ hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế “2 con số”, là nền tảng bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần quyết định đưa thành phố Cần Thơ trở thành một cực tăng trưởng của quốc gia, giữ vai trò động lực phát triển, lan tỏa, dẫn dắt cả vùng Đồng bằng sông Cửu Long, là trung tâm khởi nghiệp, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Cơ chế, chính sách được hoàn thiện;

hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và hạ tầng dữ liệu phát triển hiện đại, đồng bộ; nhân lực chất lượng cao được tăng cường trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược. Hệ thống đổi mới sáng tạo địa phương được phát triển theo hướng hiện đại, hội nhập; liên kết giữa khu vực Nhà nước và khu vực tư nhân được tăng cường; hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được thúc đẩy; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp công nghệ có năng lực cạnh tranh khu vực, từng bước vươn ra thị trường toàn cầu.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế thành phố ở mức trên 55%;

b) Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu đạt tối thiểu 50%;

c) Tổng đầu tư xã hội cho nghiên cứu và phát triển (R&D) đạt tối thiểu 2% GRDP, trong đó nguồn ngoài ngân sách nhà nước chiếm trên 60%. Bố trí ngân sách nhà nước hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không thấp hơn dự toán Trung ương giao và tăng dần theo nhu cầu phát triển;

d) Nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (quy đổi toàn thời gian) đạt 12 người trên một vạn dân. Tăng tỷ lệ lực lượng lao động trí thức trong các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chiến lược lên 25%;

đ) Có tối thiểu 05 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc thành phố;

e) Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng bình quân 10%/năm. Số lượng đơn đăng ký, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng bình quân 16% - 18%/năm. Tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại đạt 8% - 10% số văn bằng bảo hộ được cấp;

g) Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) thuộc nhóm 05 địa phương dẫn đầu cả nước. Hình thành Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ mang tầm khu vực và vùng Đồng bằng sông Cửu Long; đồng thời phát triển liên kết giữa viện, trường, doanh nghiệp;

h) Hỗ trợ về tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cung cấp thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, hỗ trợ sở hữu trí tuệ, tiếp cận chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước cho tối thiểu 3.000 doanh nghiệp, trong đó có 35 doanh nghiệp khoa học và công nghệ và 100 doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ;

i) Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức trung bình của cả nước. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp;

k) Tỷ lệ kết quả nghiên cứu từ viện, trường được ứng dụng và thương mại hóa đạt tối thiểu 30%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực thi chính sách: kịp thời ban hành các cơ chế, chính sách, quy định của thành phố về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo nhằm tháo gỡ rào cản, khơi thông hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trọng tâm là phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược; thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; chuyển giao công nghệ nội sinh; tăng cường tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ;

b) Đổi mới cơ chế thực hiện và tái cấu trúc chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

- Tổ chức thực hiện cơ chế đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với các bài toán lớn và công nghệ chiến lược. Khuyến khích thực hiện khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, chuyển sang cơ chế hậu kiểm; xây dựng tiêu chí đánh giá đầu ra và tác động. Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ với phân bổ ngân sách, xếp hạng tổ chức và trách nhiệm giải trình;

- Triển khai các nhiệm vụ, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực có tác động lan tỏa lớn, đồng thời bảo đảm phát triển cân đối, toàn diện, với định hướng các nhóm chính sau đây: (i) Phát triển nghiên cứu cơ bản; (ii) Phát triển nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ, phát triển giải pháp xã hội trọng điểm thành phố; (iii) Phát triển công nghệ chiến lược; (iv) Các chương trình đổi mới sáng tạo; (v) Các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại địa phương, doanh nghiệp; (vi) Nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (vii) Các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ quốc phòng, an ninh. Tiêu chí xác định (Phụ lục I) và Khung các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026 - 2030 (Phụ lục II) là căn cứ để bố trí nguồn lực ngân sách nhà nước và định hướng cho Sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm, hằng năm, tổ chức theo dõi, đánh giá, đề xuất điều chỉnh (nếu cần thiết).

c) Phát triển môi trường thử nghiệm, hoàn thiện cơ chế tạo cầu thị trường khoa học và công nghệ:

- Xây dựng và triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) nhằm tạo hành lang pháp lý an toàn để thử nghiệm công nghệ, sản phẩm và mô hình kinh doanh mới, ưu tiên các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, blockchain, tài sản số, robot, thiết bị bay không người lái, công nghệ y - sinh, năng lượng nguyên tử, năng lượng mới, vật liệu mới và công nghệ biển;

- Sửa đổi, bổ sung cơ chế tài chính, cơ chế mua sắm công đối với sản phẩm công nghệ trong nước, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đổi mới sáng tạo phát triển; ưu tiên mua sắm công, đặt hàng công và thuê dịch vụ công nghệ đối với các sản phẩm do doanh nghiệp Việt Nam chủ trì thiết kế, phát triển công nghệ và tổ chức sản xuất trong nước (Make in Viet Nam), đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và bảo đảm an ninh quốc gia.

d) Phát triển hệ thống dữ liệu và chuẩn hóa công tác thống kê, đánh giá khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: xây dựng hệ thống quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên nền tảng số thống nhất, kết nối các cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa quản lý theo vòng đời nhiệm vụ, áp dụng mã định danh thống nhất. Bảo đảm công khai, minh bạch thông tin, cho phép doanh nghiệp, xã hội tiếp cận, khai thác; ứng dụng công nghệ số trong giám sát, đánh giá và hỗ trợ phân bổ nguồn lực.

2. Huy động nguồn lực và cơ cấu chi ngân sách nhà nước

a) Định hướng cơ cấu chi, tiêu chí ưu tiên và nguyên tắc phân bổ:

- Phân bổ ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với cơ cấu chi hợp lý, cân đối giữa nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, đảm bảo việc kiểm soát và có thể linh hoạt điều chỉnh theo yêu cầu của thực tiễn phát triển với các định hướng như sau:

+ Tập trung bố trí ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược, bảo đảm tối thiểu 15% trong tổng chi sự nghiệp khoa học;

+ Ưu tiên phân bổ ngân sách cho nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ phục vụ nhu cầu thực tiễn. Đồng thời bảo đảm đầu tư đúng tầm cho nghiên cứu cơ bản, phát triển hạ tầng và nguồn nhân lực chất lượng cao;

+ Bố trí ngân sách hợp lý cho đổi mới, cải tiến công nghệ, các nhiệm vụ có doanh nghiệp tham gia, cùng tài trợ, tiếp nhận, thương mại hóa kết quả và thực hiện theo cơ chế đối ứng; đồng thời khuyến khích đổi mới quản trị và quy trình, thử nghiệm công nghệ, tăng cường đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp dùng công nghệ mới qua hình thức phiếu hỗ trợ tài chính (voucher).

- Triển khai việc đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với các bài toán lớn, gắn với mục tiêu ngành, lĩnh vực và nhu cầu thực tiễn của địa phương; ưu tiên các nhiệm vụ gắn với công nghệ chiến lược; các chương trình, dự án quy mô lớn, có sản phẩm cụ thể, địa chỉ ứng dụng và sự tham gia của doanh nghiệp, viện, trường; giao trực tiếp đối với nhiệm vụ cấp bách, nhiệm vụ công nghệ chiến lược; đặt hàng có doanh nghiệp cùng tài trợ đối với nhiệm vụ ứng dụng.

b) Thực hiện mô hình “ngân sách nhà nước dẫn dắt - xã hội cùng đầu tư”:

- Ngân sách Trung ương tập trung đầu tư cho hạ tầng quản lý nhà nước; hạ tầng lõi, nền tảng số, cơ sở dữ liệu quốc gia; hạ tầng có tính liên vùng, liên ngành, yêu cầu công nghệ cao, vốn lớn, thời gian hoàn vốn dài. Ngân sách địa phương tập trung phát triển hạ tầng ứng dụng, các trung tâm đổi mới sáng tạo địa phương, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và kết nối vào nền tảng quốc gia;

- Nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước tham gia đầu tư thiết bị, nâng cấp công nghệ, nền tảng ứng dụng, dịch vụ dữ liệu, khai thác vận hành, các khu thử nghiệm và không gian đổi mới sáng tạo;

- Thực hiện đầu tư theo sản phẩm, cùng đầu tư với doanh nghiệp, gắn với khả năng thương mại hóa. Áp dụng linh hoạt các hình thức tài trợ, cho vay, góp vốn; tăng cường giám sát, đánh giá theo kết quả và tác động thực tiễn;

- Khuyến khích hoạt động của các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, quỹ đầu tư mạo hiểm địa phương nhằm tăng kinh phí chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định pháp luật; tăng cường cùng đầu tư với khu vực tư nhân nhằm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp tăng trưởng nhanh và mở rộng quy mô thị trường;

- Tăng cường lồng ghép nguồn lực từ đầu tư công, chi thường xuyên, chương trình mục tiêu, quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, quỹ của doanh nghiệp và nguồn hợp pháp khác theo nguyên tắc công khai, minh bạch, không chồng chéo, không cấp vốn trùng lặp cho cùng một mục tiêu, tăng tỷ lệ vốn ngoài ngân sách nhà nước trong các nhiệm vụ có khả năng thương mại hóa cao; thúc đẩy các chương trình, nhiệm vụ được tài trợ, đầu tư từ các nguồn khác nhau, cùng chia sẻ rủi ro và chia sẻ lợi ích.

3. Phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Phát triển hạ tầng nghiên cứu, thử nghiệm và tính toán dùng chung:

- Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng cho các lĩnh vực công nghệ có nhu cầu cấp thiết và khả năng lan tỏa lớn, trọng tâm là các lĩnh vực công nghệ chiến lược; tổ chức triển khai các chương trình, dự án hạ tầng quy mô quốc gia gắn với từng lĩnh vực, bảo đảm đồng bộ với định hướng phát triển của địa phương;

- Đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm, cơ sở thử nghiệm, kiểm định, đánh giá chất lượng sản phẩm công nghệ đạt chuẩn cấp vùng.

b) Phát triển hạ tầng thông tin, dữ liệu, thống kê:

- Đầu tư phát triển hạ tầng dữ liệu và hạ tầng số phục vụ thiết kế, mô phỏng, thử nghiệm và sản xuất thử sản phẩm công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ số trọng điểm; xây dựng các nền tảng dữ liệu, tính toán và môi trường dùng chung cho viện, trường, doanh nghiệp;

- Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phục vụ quản lý, nghiên cứu và đánh giá, hoàn thiện chuỗi giá trị từ nghiên cứu đến thương mại hóa; hoàn thành và đưa vào vận hành Sàn Giao dịch công nghệ. Đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng hiện đại, số hóa và kết nối. Hình thành mạng lưới hỗ trợ năng suất, chất lượng; xây dựng hạ tầng số, hệ thống dữ liệu về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ, về phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, truy xuất nguồn gốc, bảo đảm kết nối và chia sẻ. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, internet vạn vật trong giám sát, cảnh báo rủi ro, quản lý hậu kiểm; phát triển nền tảng dữ liệu, công cụ, mạng lưới chuyên gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số;

- Chú trọng đầu tư, hiện đại hoá hạ tầng khoa học và công nghệ trọng yếu gồm: phòng thí nghiệm trọng điểm; cơ sở thiết kế, chế tạo; trung tâm thử nghiệm công nghệ, hệ thống mô phỏng, hệ thống các phần mềm tính toán chuyên dụng.

c) Phát triển hạ tầng đổi mới sáng tạo gắn với ngành, địa phương:

- Triển khai các dự án hạ tầng công nghệ phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, công nghiệp công nghệ số và sản phẩm công nghệ số trọng điểm. Khuyến khích doanh nghiệp, viện, trường tham gia đầu tư, vận hành theo hướng dùng chung, kết nối, phục vụ hiệu quả nghiên cứu và phát triển, thương mại hóa công nghệ;

- Khuyến khích phát triển trung tâm nghiên cứu và phát triển tại các khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung; cơ sở ươm tạo; trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia công nghệ và không gian đổi mới sáng tạo gắn với lợi thế ngành, vùng, địa phương, chuỗi giá trị doanh nghiệp. Hình thành và phát triển các cụm liên kết trí tuệ nhân tạo tại khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung và trung tâm đổi mới sáng tạo; thúc đẩy hợp tác, dùng chung hạ tầng giữa doanh nghiệp, viện, trường;

- Ưu tiên nâng cấp hạ tầng đổi mới sáng tạo gắn với sản phẩm chủ lực, logistics, nông nghiệp công nghệ cao, dược liệu, công nghệ biển, công nghiệp chế biến, chế tạo, du lịch thông minh và dịch vụ giá trị gia tăng; không đầu tư trùng lặp với hạ tầng quốc gia, hạ tầng vùng.

4. Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Thu hút, trọng dụng và sử dụng hiệu quả nhân lực chất lượng cao: triển khai đồng bộ cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước; tuyển chọn công khai, sử dụng hiệu quả chuyên gia đầu ngành, nhân tài tham gia, chủ trì nhiệm vụ phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược,

công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển. Trao quyền chủ động gắn với trách nhiệm giải trình, đãi ngộ tương xứng với kết quả đầu ra, thương mại hóa, tác động thực tiễn.

b) Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chiến lược: xây dựng và triển khai Đề án phát triển đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tổ chức các chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao theo nhu cầu dự án trọng điểm, ưu tiên đào tạo chuyên sâu, tiến sĩ, kỹ sư và chuyên gia công nghệ trong và ngoài nước. Xây dựng, triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo nhóm đối tượng (quản lý, nghiên cứu - triển khai, ứng dụng), phù hợp yêu cầu từng lĩnh vực, ưu tiên công nghệ chiến lược.

c) Tăng cường lưu chuyển tri thức và phát triển kỹ năng đổi mới sáng tạo:

- Thúc đẩy dịch chuyển nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước, giữa viện, trường và doanh nghiệp thông qua cơ chế luân chuyển, biệt phái cán bộ; phát triển kỹ năng quản trị công nghệ, dữ liệu và thương mại hóa; áp dụng cơ chế khuyến khích, đãi ngộ và chia sẻ lợi ích gắn với hiệu quả thực hiện và nhu cầu doanh nghiệp;

- Phát triển năng lực quản trị tài sản trí tuệ, chuỗi giá trị công nghệ, chuẩn hóa, thử nghiệm, chứng nhận, an toàn công nghệ và quản trị rủi ro công nghệ cho đội ngũ thực thi chính sách tại địa phương.

5. Nâng cao năng lực làm chủ và phát triển các công nghệ chiến lược

a) Hoàn thiện danh mục công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược: hoàn thiện danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược theo hướng tinh gọn, bám sát nhu cầu phát triển, năng lực cạnh tranh, lợi thế ngành và khả năng hình thành chuỗi giá trị, thị trường. Tập trung theo hai nhóm: (i) Nhóm công nghệ đã có thị trường và tác động trực tiếp đến kinh tế: Doanh nghiệp giữ vai trò dẫn dắt đầu tư; Nhà nước hỗ trợ, tạo thị trường thông qua mua sắm công và chính sách phù hợp; viện, trường tham gia nghiên cứu, phát triển và đào tạo nhân lực. (ii) Nhóm các công nghệ tạo động lực tăng trưởng mới, công nghệ nền tảng cho tương lai, công nghệ bảo đảm tự chủ trong quốc phòng, an ninh: Nhà nước chủ động đầu tư, đặt hàng và dẫn dắt; viện, trường, doanh nghiệp phối hợp triển khai.

b) Triển khai các nhiệm vụ, dự án theo chuỗi giá trị:

- Tập trung nguồn lực địa phương để nghiên cứu, phát triển và làm chủ các công nghệ chiến lược theo chuỗi từ nghiên cứu đến thương mại hóa và mở rộng quy mô; ưu tiên các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, dữ liệu lớn, công nghệ sinh học, vật liệu tiên tiến, năng lượng sạch;

- Làm chủ thiết kế, sản xuất và đóng gói - kiểm thử vi mạch; tham gia sâu chuỗi cung ứng bán dẫn, phát triển một số dòng chip phục vụ công nghiệp công nghệ cao và quốc phòng, an ninh (ưu tiên chip chuyên dụng, trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật). Từng bước hình thành năng lực công nghệ nội sinh, phát triển sản phẩm “Make in Viet Nam”, nâng cao nội địa hóa, giảm phụ thuộc nhập khẩu;

- Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp mua thiết kế, sáng chế, phần mềm và công cụ kiểm thử để giải mã, làm chủ và cải tiến công nghệ chiến lược, công nghệ số trọng điểm phù hợp điều kiện địa phương.

c) Phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược và doanh nghiệp dẫn dắt:

- Lựa chọn, triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với bài toán lớn của địa phương; mỗi sản phẩm công nghệ chiến lược xác định rõ doanh nghiệp dẫn dắt, đối tác nghiên cứu, cơ quan tiếp nhận, cơ chế đặt hàng, tiêu chuẩn và chỉ tiêu nội địa hóa. Ưu tiên ngân sách, đầu tư công, tín dụng và mua sắm công, hạ tầng thử nghiệm cùng hỗ trợ tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cho các dự án sản phẩm công nghệ chiến lược có khả năng thương mại hóa;

- Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thông qua các nhiệm vụ, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ưu tiên ngân sách, đầu tư công, các quỹ để đặt hàng, giao nhiệm vụ, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm, tạo thị trường ban đầu; hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số nâng cao năng lực sản xuất, quản trị, áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, phát triển sản phẩm “Make in Viet Nam”.

6. Tăng cường liên kết giữa khu vực Nhà nước và khu vực tư nhân, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Phát triển doanh nghiệp là trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo:

- Tăng cường hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp thông qua các loại hình nhiệm vụ, hoạt động đổi mới sáng tạo và văn hóa đổi mới sáng tạo;

- Đẩy mạnh mô hình hợp tác “ba nhà” trong phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược, doanh nghiệp giữ vai trò dẫn dắt và cùng đầu tư với Nhà nước theo tỷ lệ phù hợp, tùy thuộc vào độ phức tạp của công nghệ; gắn với kế hoạch thương mại hóa, phát triển thị trường và xuất khẩu. Nhà nước hỗ trợ và ưu tiên sử dụng sản phẩm trong mua sắm công khi đáp ứng tiêu chí về sở hữu trí tuệ, nội địa hóa và tiêu chuẩn kỹ thuật;

- Khuyến khích thành lập và vận hành các quỹ, cơ chế cùng đầu tư và chia sẻ lợi ích giữa viện, trường, doanh nghiệp và nhà đầu tư. Gắn nghiên cứu với doanh nghiệp, lấy tỷ lệ thương mại hóa và giá trị thị trường làm thước đo hiệu quả.

b) Thúc đẩy thương mại hóa tài sản trí tuệ:

- Hỗ trợ phát triển thị trường giao dịch sở hữu trí tuệ thông qua hướng dẫn khai thác thương mại, đặc biệt với tài sản trí tuệ hình thành từ ngân sách nhà nước; hướng dẫn định giá, nâng cao năng lực quản trị, thương mại hóa tài sản trí tuệ, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ cao, công nghệ xanh và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

- Phát triển tổ chức trung gian chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ; thúc đẩy thương mại hóa sáng chế và kết nối thị trường. Hình thành mạng lưới trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

c) Tạo cầu thị trường cho công nghệ và đổi mới sáng tạo:

- Triển khai cơ chế đặt hàng gắn với bài toán lớn, cùng tài trợ, đánh giá theo kết quả đầu ra; ưu tiên sử dụng sản phẩm công nghệ chiến lược trong khu vực nhà nước khi đáp ứng tiêu chuẩn. Rà soát, tháo gỡ vướng mắc về tiêu chuẩn, quy chuẩn và năng lực thử nghiệm, kiểm định để thúc đẩy sử dụng sản phẩm trong nước từ kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ giải quyết các bài toán phát triển; thúc đẩy chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp, viện, trường, các chủ thể liên quan, nâng cao năng lực đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp;

- Xây dựng Trung tâm Đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ mang tầm khu vực và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

7. Hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chuyển mạnh sang hợp tác chiến lược, cùng phát triển công nghệ: triển khai hợp tác với các quốc gia, tổ chức và tập đoàn có trình độ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo phát triển, ưu tiên các lĩnh vực công nghệ chiến lược, nhất là trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, dữ liệu lớn, công nghệ sinh học, vật liệu tiên tiến, năng lượng sạch; ưu tiên ký kết thỏa thuận thúc đẩy chuyển giao công nghệ nguồn trong các lĩnh vực chiến lược.

b) Thúc đẩy ngoại giao khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, mở rộng hợp tác phục vụ địa phương và doanh nghiệp:

- Tổ chức hợp tác quốc tế theo hướng tiếp thu, làm chủ và cùng phát triển công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp, viện, trường tham gia mạng lưới nghiên cứu và chuỗi giá trị toàn cầu, nâng cao năng lực hấp thụ và thương mại hóa;

- Triển khai các dự án, chương trình liên quan đến các công nghệ chiến lược theo mô hình hợp tác “ba nhà”, huy động các chuyên gia, các nhà khoa học, trong nước, quốc tế tham gia trong quá trình nghiên cứu, phát triển;

- Xúc tiến thương mại, phát triển thương hiệu sản phẩm công nghệ số gắn với “Make in Viet Nam”; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia sàn giao dịch, hội chợ, triển lãm, kết nối chuỗi cung ứng, mở rộng thị trường quốc tế. Hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm đối tác, ký kết xuất khẩu, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài; khuyến khích doanh nghiệp nhà nước sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để mua bán, sáp nhập doanh nghiệp, phòng thí nghiệm sở hữu công nghệ số lõi ở nước ngoài.

c) Tạo điều kiện để cán bộ khoa học và công nghệ hợp tác, giao lưu, tham quan, khảo sát và tham gia các hội nghị khoa học quốc tế có liên quan đến các vấn đề đặt ra cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của thành phố; tiếp cận với tiến bộ khoa học, kỹ thuật của các nước tiên tiến, phát triển.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí triển khai Kế hoạch thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý và quy định hiện hành về ngân sách nhà nước; các nguồn xã hội hóa và hỗ trợ khác phù hợp quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, tổ chức triển khai Kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị và địa phương trong quá trình thực hiện;

b) Chủ trì tổng hợp nhu cầu của Sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn thành phố; đề xuất cơ cấu và nguyên tắc phân bổ nguồn lực phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng, quy định của pháp luật cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phối hợp huy động nguồn lực xã hội, thúc đẩy cơ chế cùng đầu tư giữa Nhà nước và doanh nghiệp; theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng gắn với kết quả và tác động thực tiễn;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh Kế hoạch này khi có sự điều chỉnh lớn về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; xuất hiện các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện Kế hoạch; theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc cơ quan có thẩm quyền;

d) Triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công thực hiện tại Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Kế hoạch.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về kinh phí thực hiện Kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 theo đúng quy định;

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp thẩm quyền phân bổ vốn đầu tư cho lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; huy động các nguồn vốn đầu tư để tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất kỹ thuật cho việc phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công thực hiện tại Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Kế hoạch.

3. Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Căn cứ vào Kế hoạch này chủ động xây dựng và ban hành Kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm và hàng năm thuộc phạm vi quản lý hoặc lồng ghép với các Chương trình, Kế hoạch khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao và phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị và địa phương, trong đó xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch, các chương trình, nhiệm vụ, danh mục dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ưu tiên gắn với mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch, nhu cầu nguồn lực, cơ chế phối hợp và chế độ báo cáo;

b) Rà soát, sắp xếp, tích hợp, đề xuất các đề án, chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng tiêu chí quy định tại Phụ lục I, phù hợp với Khung các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Phụ lục II của Kế hoạch.

c) Triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công thực hiện tại Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Kế hoạch.

4. Các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp và tổ chức liên quan

a) Chủ động tham gia nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, ứng dụng và thương mại hóa các sản phẩm theo khung chương trình, nhiệm vụ của Kế hoạch;

b) Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ, chuyển giao công nghệ, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của thành phố.

Trên đây là Kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị và địa phương kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT: TU, HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- UBNDTTQVN TP;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận TU;
- Sở, ban, ngành TP;
- UBND xã, phường;
- Báo và PTTH Cần Thơ;
- VP UBND TP (2C, 3C);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Khởi

Phụ lục I
TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số KH-UBND ngày tháng 7 năm 2026
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

TT	Tiêu chí/Nhóm tiêu chí
1	Giải quyết bài toán lớn của ngành, địa phương hoặc doanh nghiệp; phù hợp mục tiêu tăng trưởng, năng suất, tự chủ và an ninh quốc gia; phù hợp Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 và các chiến lược ngành, lĩnh vực liên quan; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030.
2	Có tác động lan tỏa mạnh đến tăng trưởng, năng suất, năng lực cạnh tranh, quản trị quốc gia, phát triển bền vững, khả năng chống chịu của nền kinh tế.
3	Có sản phẩm đầu ra rõ ràng, đo lường được, có địa chỉ ứng dụng, cơ quan tiếp nhận, lộ trình triển khai đến năm 2028 và 2030.
4	Có doanh nghiệp tham gia, cùng chủ trì, cùng tài trợ hoặc đối ứng; có cơ chế gắn kết giữa nghiên cứu, thử nghiệm, tiêu chuẩn hóa và thị trường (đối với chương trình trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ).
5	Có khả năng tiếp thu, làm chủ và phát triển công nghệ lõi, công nghệ chiến lược; có đóng góp cho nội địa hóa, thay thế nhập khẩu hoặc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu (đối với chương trình trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ).
6	Có khả năng ứng dụng, thương mại hóa, mở rộng quy mô, tạo ngành, tạo thị trường hoặc nâng cao năng lực công nghệ của doanh nghiệp, ngành, lĩnh vực, địa phương (đối với chương trình trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ).
7	Có tính liên ngành, liên vùng; có thể sử dụng chung hạ tầng, dữ liệu, nền tảng, phòng thí nghiệm hoặc hệ thống tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.
8	Có tính khả thi cao về nguồn lực, cơ chế tổ chức thực hiện và quản trị rủi ro; có mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu đánh giá gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch, bảo đảm đánh giá được kết quả, hiệu quả, tác động.
9	Không trùng lặp với chương trình, nhiệm vụ, dự án đã có; không vượt quá phạm vi, thẩm quyền hoặc giai đoạn 2026 - 2030 nếu chưa được phân kỳ rõ ràng.
10	Ưu tiên đối với chương trình, nhiệm vụ có tác động trực tiếp đến TFP, xuất khẩu công nghệ cao, năng suất doanh nghiệp, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và hình thành doanh nghiệp công nghệ dẫn dắt.

Phụ lục II
KHUNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số KH-UBND ngày tháng 7 năm 2026
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

TT	Nhóm chương trình, nhiệm vụ	Nội dung trọng tâm
1	Các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển nghiên cứu cơ bản	Kết hợp tìm kiếm tri thức mới với đào tạo nhân lực trình độ cao, phát hiện nhân tài; tạo nền tảng cho việc tiếp thu, làm chủ và phát triển công nghệ lõi, công nghệ chiến lược và công nghệ số; cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định, hoàn thiện và tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.
2	Các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ, phát triển giải pháp xã hội trọng điểm quốc gia	Hướng tới làm chủ và phát triển các công nghệ cao, gắn với nhu cầu thực tiễn, phục vụ phát triển bền vững, đảm bảo quốc phòng, an ninh; cung cấp luận cứ khoa học cho hoàn thiện thể chế, quản trị quốc gia, phát triển văn hóa - xã hội trong bối cảnh mới.
3	Các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt phục vụ phát triển công nghệ chiến lược	Phát triển công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền; lựa chọn một số sản phẩm ưu tiên để tập trung nguồn lực nghiên cứu, thiết kế, tích hợp, chế tạo, thử nghiệm và ứng dụng, hình thành năng lực làm chủ công nghệ lõi và từng bước mở rộng sang các nhóm công nghệ chiến lược khác.
4	Các chương trình đổi mới sáng tạo của thành phố ¹	Hỗ trợ doanh nghiệp, đổi mới công nghệ, đổi mới dây chuyền, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, nâng cấp sản xuất, phát triển công nghiệp hỗ trợ, tăng nội địa hóa và tham gia chuỗi cung ứng; ưu tiên dự án có vốn đổi ứng; thúc đẩy khai thác, định giá, thương mại hóa tài sản trí tuệ; phát triển thị trường khoa học và công nghệ; phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào doanh nghiệp công nghệ tăng trưởng nhanh, sản phẩm chiến lược và địa phương có khả năng trở thành cực đổi mới sáng tạo.

¹ Bao gồm: Chương trình đổi mới sáng tạo; Chương trình về đổi mới công nghệ; Chương trình về khởi nghiệp sáng tạo; Chương trình phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Chương trình về phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

TT	Nhóm chương trình, nhiệm vụ	Nội dung trọng tâm
5	Các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại địa phương, doanh nghiệp	Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại địa phương gắn với lợi thế của địa phương và vùng nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đảm bảo quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo tại doanh nghiệp gắn với nâng cao năng suất, sức cạnh tranh và mở rộng thị trường cho doanh nghiệp, tham gia tích cực trong việc giải quyết các nhiệm vụ công nghiệp chiến lược.
6	Các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Phát triển nguồn nhân lực, tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm: phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm kỹ thuật, cơ sở thử nghiệm - kiểm định - đo lường - chất lượng và các cơ sở dữ liệu, nền tảng dùng chung, nền tảng số, hạ tầng số.
7	Các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ quốc phòng, an ninh	Phát triển toàn diện tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đảm bảo củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh.

Phụ lục III
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH TỔNG THỂ VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số KH-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

TT	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả đến năm 2028	Kết quả đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế	%	> 50	> 55	- Sở Tài chính; - Thống kê thành phố; - Sở Khoa học và Công nghệ.	Sở, ngành, cơ quan liên quan
2	Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu	%	> 45	≥ 50	Sở Công Thương	Sở, ngành, cơ quan liên quan
3	Tổng đầu tư xã hội cho nghiên cứu và phát triển	% GRDP	> 1,5	≥ 2	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ngành, cơ quan liên quan
4	Tỷ lệ nguồn ngoài ngân sách nhà nước trên tổng đầu tư xã hội cho nghiên cứu và phát triển	%	60	> 60	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ngành, cơ quan liên quan
5	Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	%	Không thấp hơn dự toán Trung ương giao và tăng dần theo nhu cầu phát triển	Không thấp hơn dự toán Trung ương giao và tăng dần theo nhu cầu phát triển	Sở Tài chính	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở, ngành, cơ quan liên quan.
6	Nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo	Người/vạn dân	≥ 11	12	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Giáo dục và Đào tạo; - Sở, ngành, cơ quan liên quan.

TT	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả đến năm 2028	Kết quả đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
7	Tỷ lệ lực lượng lao động trí thức trong các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chiến lược	%	≥ 20	25	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Công Thương; - Sở, ngành, cơ quan liên quan.
8	Số tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc thành phố Cần Thơ	Tổ chức	≥ 3	≥ 5	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Giáo dục và Đào tạo; - Viện Kinh tế - Xã hội thành phố; - Sở, ngành, cơ quan liên quan.
9	Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng bình quân	%/năm	10	10	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Giáo dục và Đào tạo; - Viện Kinh tế - Xã hội thành phố; - Sở, ngành, cơ quan liên quan.
10	Số lượng đơn đăng ký, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng bình quân	%/năm	16	16 - 18	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ngành, cơ quan liên quan; - Các viện, trường.
11	Tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại trên tổng số văn bằng bảo hộ được cấp	%	8	8 - 10	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ngành, cơ quan liên quan; - Các viện, trường.
12	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) của thành phố Cần Thơ	Thứ bậc	Nhóm 7 địa phương dẫn đầu cả nước	Nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ngành, cơ quan liên quan

TT	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả đến năm 2028	Kết quả đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
13	Số vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo/trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo được hình thành	Vườn ươm/Trung tâm	≥ 2	≥ 3	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ngành, cơ quan liên quan
14	Số doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hỗ trợ	Doanh nghiệp	30	≥ 35	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ngành, cơ quan liên quan
15	Số doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ được hỗ trợ	Doanh nghiệp	70 - 80	≥ 100	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ngành, cơ quan liên quan
16	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp	%	40	> 40	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Tài chính; - Sở, ngành, cơ quan liên quan.
17	Số doanh nghiệp công nghệ quy mô khu vực trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược	Doanh nghiệp	Phấn đầu 1	1 - 2	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ngành, cơ quan liên quan
18	Tỷ lệ làm chủ nhóm công nghệ chiến lược	%	30	50	Sở Khoa học và Công nghệ	- Bộ Chỉ huy quân sự thành phố; - Công an thành phố; - Sở, ngành, cơ quan liên quan.
19	Tỷ lệ kết quả nghiên cứu từ viện, trường được ứng dụng và thương mại hóa đạt tối thiểu 30%	%	20	30	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ngành, cơ quan liên quan; - Các viện, trường.

Phụ lục IV
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH TỔNG THỂ VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số KH-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo			
1	Đẩy mạnh xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026 - 2030
2	Tổ chức thực hiện cơ chế đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với các bài toán lớn và công nghệ chiến lược.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026 - 2030
3	Xây dựng và triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox).	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026 - 2030
4	Xây dựng hệ thống quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên nền tảng số thống nhất, kết nối các cơ sở dữ liệu.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026 - 2030
II	Huy động nguồn lực và cơ cấu chi ngân sách nhà nước			
5	Bố trí ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược.	Sở Tài chính	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026 - 2030
6	Khuyến khích hoạt động của các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, quỹ đầu tư mạo hiểm địa phương nhằm tăng kinh phí chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định pháp luật.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường; - Các doanh nghiệp.	2026 - 2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
III	Phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo			
7	Đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm, cơ sở thử nghiệm, kiểm định, đánh giá chất lượng sản phẩm công nghệ đạt chuẩn cấp vùng.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026 - 2030
8	Vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026 - 2030
9	Hoàn thành và đưa vào vận hành Sàn giao dịch công nghệ để hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận và ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026
10	Triển khai các dự án hạ tầng công nghệ phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, công nghiệp công nghệ số và sản phẩm công nghệ số trọng điểm.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026 - 2030
11	Xây dựng, triển khai và phát triển nền tảng cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ của thành phố, phục vụ kết nối, khai thác thông tin khoa học, công nghệ trong nước và quốc tế.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026 - 2030
IV	Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo			
12	Triển khai đồng bộ cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước.	Sở Nội vụ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026 - 2030
13	Đầu tư phát triển một số cơ sở giáo dục đại học, trung tâm đào tạo tiên tiến chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo và các lĩnh vực công nghệ chiến lược khác. Hợp tác với các doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực công nghệ số.	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Sở, ban, ngành; - Các trường đại học, cao đẳng.	2026 - 2030
14	Xây dựng Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đổi mới sáng tạo; hợp tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho khởi nghiệp sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026 - 2030
15	Đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026 - 2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
V	Nâng cao năng lực làm chủ và phát triển các công nghệ chiến lược			
16	Hoàn thiện danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược ² .	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026
17	Tập trung nguồn lực địa phương để nghiên cứu, phát triển và làm chủ các công nghệ chiến lược theo chuỗi từ nghiên cứu đến thương mại hóa và mở rộng quy mô; ưu tiên các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, dữ liệu lớn, công nghệ sinh học, vật liệu tiên tiến, năng lượng sạch.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường; - Các viện, trường; doanh nghiệp.	2026 - 2030
18	Lựa chọn, triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với bài toán lớn của địa phương; hỗ trợ nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thông qua các nhiệm vụ, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường; - Các viện, trường; doanh nghiệp.	2026 - 2030
VI	Tăng cường liên kết giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo			
19	Tăng cường hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; khuyến khích thành lập và vận hành các quỹ, cơ chế cùng đầu tư và chia sẻ lợi ích giữa viện, trường, doanh nghiệp và nhà đầu tư.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường; - Các viện, trường; doanh nghiệp.	2026 - 2030
20	Hỗ trợ phát triển thị trường giao dịch sở hữu trí tuệ thông qua hướng dẫn khai thác thương mại, đặc biệt với tài sản trí tuệ hình thành từ ngân sách nhà nước.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026 - 2030
21	Phát triển Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ trở thành Trung tâm mang tầm khu vực và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026

² Theo quy định tại Quyết định 21/2026/QĐ-TTg ngày 30/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục công nghệ chiến lược và danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược.

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
22	Nâng cấp và nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ; các Không gian đổi mới sáng tạo và hỗ trợ khởi nghiệp tại phường Vị Tân, phường Phú Lợi, phường Ninh Kiều và phường Cái Khế.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026 - 2030
23	Thành lập các Không gian đổi mới sáng tạo và hỗ trợ khởi nghiệp vệ tinh trực thuộc Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ tại các địa bàn trọng điểm của thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026 - 2030
24	Phát triển mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược. Xây dựng chương trình, dự án thúc đẩy các lĩnh vực công nghệ, đổi mới sáng tạo trọng tâm của thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	2026 - 2030
VII	Hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo			
25	Phối hợp thiết lập các khuôn khổ đối tác về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành trọng tâm trong các khuôn khổ đối tác, các tập đoàn công nghệ hàng đầu, nhất là lĩnh vực then chốt, đột phá.	Sở Ngoại vụ	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	Thường xuyên
26	Triển khai hợp tác với các quốc gia, tổ chức và tập đoàn có trình độ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo phát triển, ưu tiên các lĩnh vực công nghệ chiến lược; ưu tiên ký kết thỏa thuận thúc đẩy chuyển giao công nghệ nguồn trong các lĩnh vực chiến lược.	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	Các viện, trường, doanh nghiệp	2026 - 2030
27	Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia sản phẩm, dịch vụ, hội chợ, triển lãm, kết nối chuỗi cung ứng, mở rộng thị trường quốc tế, tìm kiếm đối tác, ký kết xuất khẩu, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài.	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	Các doanh nghiệp	2026 - 2030
28	Tạo điều kiện để cán bộ khoa học và công nghệ hợp tác, giao lưu, tham quan, khảo sát và tham gia các hội nghị khoa học quốc tế có liên quan đến các vấn đề đặt ra cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của thành phố; tiếp cận với tiến bộ khoa học, kỹ thuật của các nước tiên tiến, phát triển.	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	Các viện, Trường	Thường xuyên

